

Số: 27/2026/NQ-HĐND

Vinh Long, ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Vinh Long

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030;

Xét Tờ trình số 650/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Vinh Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Vinh Long.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa

phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.
5. Nghị quyết này bãi bỏ các Nghị quyết:
 - a) Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.
 - b) Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.
 - c) Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.
 - d) Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021 - 2025.
 - đ) Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bến Tre.
 - e) Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương; cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình, dự án; cơ chế huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

g) Nghị quyết số 48/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương; cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình, dự án; cơ chế huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

h) Nghị quyết số 49/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương; cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình, dự án; cơ chế huy động các nguồn lực thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

i) Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 47/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng nguồn ngân sách địa phương; cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình, dự án; cơ chế huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

6. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khoá XI, Kỳ họp chuyên đề lần thứ Ba thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Dân tộc và Tôn giáo;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các phường, xã;
- Trung tâm thông tin điều hành;
- Báo và phát thanh, truyền hình Vĩnh Long;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Dũng



QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 27/2026/NQ-HĐND)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (sau đây viết tắt là Chương trình); áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2026-2030.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây viết tắt là cấp xã) và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương

- Việc phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình bảo đảm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, bền vững; tập trung ưu tiên cho các xã khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã biên giới biển, xã an toàn khu, xã đảo nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững.
- Bảo đảm quản lý thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách, tiêu chí và định mức phân bổ.

Điều 4. Tiêu chí, hệ số và phương pháp xác định phân bổ vốn ngân sách trung ương đối với xã

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ

Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã được xác định căn cứ vào số ấp đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là DTTS&MN) và xã (bao gồm: xã khu vực I, II vùng đồng bào DTTS&MN, xã An toàn khu (sau đây viết tắt là ATK), xã biên giới biển, xã đảo và các xã còn lại) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Cụ thể:

- a) Ấp đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 1.
- b) Xã ATK, xã biên giới biển, xã đảo: Hệ số 50.
- c) Xã khu vực II vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 40.
- d) Xã khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN: Hệ số 30.
- đ) Xã còn lại: Hệ số 25.

Trường hợp một xã đồng thời thuộc từ 02 (hai) đối tượng trở lên quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản này thì chỉ áp dụng 01 (một) hệ số phân bổ cao nhất tương ứng với một trong các đối tượng đó; không áp dụng cộng gộp, nhân hoặc tính trùng nhiều hệ số đối với cùng một xã.

2. Phương pháp xác định mức phân bổ vốn cho xã

Mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho 01 (một) xã được xác định như sau:

$$V_i = T_i \times G$$

Trong đó:

V_i : Mức vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã;

T_i : Tổng hệ số phân bổ của xã, được tính theo công thức:

$T_i = (1 \times \text{số ấp đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS\&MN của xã}) + \text{Hệ số phân bổ của xã}$

G : Giá trị của 01 (một) điểm phân bổ, được tính theo công thức:

$$G = \frac{V_{TW}}{T_{VL}}$$

Với:

- **V_{TW} :** Tổng vốn ngân sách trung ương bố trí để phân bổ thực hiện Chương trình theo kỳ kế hoạch.

- **T_{VL} :** Tổng điểm phân bổ của cả tỉnh. Được xác định bằng công thức:

$$T_{VL} = \sum_{i=1}^n T_i$$

n : Tổng số xã được phân bổ vốn ngân sách trung ương theo Nghị quyết này.

3. Căn cứ xác định số liệu

a) Số lượng xã của tỉnh được xác định theo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của 34 tỉnh, thành phố.

b) Áp đặc biệt khó khăn vùng đồng bào DTTS&MN và xã khu vực I, II vùng đồng bào DTTS&MN được xác định theo Quyết định số 60/QĐ-BD TTG ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030.

c) Xã khu vực biên giới biên được xác định theo Phụ lục II quy định tại Nghị định số 299/2025/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định của Chính phủ về biên phòng, biên giới quốc gia.

d) Xã An toàn khu được xác định theo Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2025, Quyết định số 3379/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quyết định số 2951/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc công nhận xã, phường An toàn khu trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 2827/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2025, Quyết định số 3425/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quyết định số 3019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc công bố danh sách xã, phường An toàn khu trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

đ) Xã đảo được xác định theo Quyết định số 2616/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2025, Quyết định số 3373/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc công nhận xã đảo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long và Quyết định số 2674/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2025, Quyết định số 3426/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc công bố danh sách xã đảo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 5. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các sở, ban ngành tỉnh

1. Vốn ngân sách trung ương bố trí cho các sở, ban ngành tỉnh để thực hiện Chương trình được xác định căn cứ các tiêu chí sau:

a) Nhiệm vụ của Chương trình do sở, ban ngành tỉnh được giao chủ trì thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Khối lượng nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và nhu cầu vốn để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm và dự toán ngân sách trung ương hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc được bổ sung, điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

c) Nội dung, tính chất và phạm vi của nhiệm vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ, khả năng thực hiện của sở, ban ngành tỉnh; bảo đảm không trùng lặp về nội dung chi và đối tượng thụ hưởng với nhiệm vụ đã phân cấp cho cấp xã,

nhiệm vụ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác hoặc nhiệm vụ chi khác đã được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của sở, ngành tỉnh.

d) Kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết quả giải ngân vốn của sở, ban ngành tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025 hoặc các năm trước liền kề.

2. Trên cơ sở các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ cụ thể kế hoạch đầu tư công và dự toán chi ngân sách trung ương để thực hiện Chương trình trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và hàng năm, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

Điều 6. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương

1. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các sở, ban ngành tỉnh và xã

Căn cứ vào tổng mức vốn ngân sách trung ương của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao và các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ tại Quy định này để phân bổ cho các sở, ban ngành tỉnh và các xã để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

2. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương đối với các sở, ban ngành tỉnh

Căn cứ tổng dự toán, kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được cấp có thẩm quyền giao, các sở, ban ngành tỉnh thực hiện hoặc phân bổ cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nội dung của Chương trình cấp tỉnh, quy mô liên khu vực, liên xã, nhiệm vụ đặc thù, nhiệm vụ trọng yếu về quốc phòng, an ninh quốc gia và các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao; đảm bảo không trùng lặp nội dung chi, đối tượng thực hiện với các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án và các nhiệm vụ chi khác.

3. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương đối với xã

Căn cứ tổng dự toán, kế hoạch vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình được Thủ tướng Chính phủ giao; các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước của Chương trình tại Quy định này và điều kiện thực tế của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương và các nguồn lực lồng ghép cho tỉnh và các xã để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định hoặc phân cấp cho Hội đồng nhân dân xã quyết định phân bổ chi tiết nội dung, hoạt động, lĩnh vực chi, danh mục dự án đầu tư công của Chương trình trên địa bàn xã; bảo đảm ưu tiên phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các xã, ấp đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, ATK, xã biên giới biển và xã đảo; không trùng lặp nội dung, đối tượng với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án khác thực hiện trên cùng địa bàn.

Điều 7. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng ngân sách của địa phương

1. Tổng vốn đối ứng ngân sách của địa phương để thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 phải bảo đảm mức trung ương phân bổ cho tỉnh quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình.

2. Tỉnh bố trí ngân sách địa phương giai đoạn 5 năm, cân đối ngân sách địa phương hàng năm để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình, bảo đảm không thấp hơn tỷ lệ vốn đối ứng theo quy định tại Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Tỉnh bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các nội dung của Chương trình không sử dụng vốn ngân sách trung ương, cụ thể:

a) Hỗ trợ phường thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách hỗ trợ vùng đồng bào DTTS&MN;

b) Hỗ trợ xã đạt chuẩn nông thôn mới phấn đấu đạt nông thôn mới hiện đại (ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước đã được hỗ trợ cho xã để đạt chuẩn nông thôn mới);

c) Thực hiện xây dựng tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

d) Hỗ trợ thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án quan trọng, cấp thiết theo các kế hoạch, chỉ tiêu nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh và cấp xã đề ra trong trường hợp cấp xã không có khả năng cân đối nguồn lực thực hiện nhằm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

4. Các xã chịu trách nhiệm bố trí ngân sách xã giai đoạn 5 năm, cân đối ngân sách địa phương hàng năm đối ứng thực hiện Chương trình theo quy định tại Điều 8 của Quy định này.

5. Các phường có trách nhiệm bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, chính sách hỗ trợ đồng bào DTTS&MN.

Điều 8. Tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách của địa phương

Hàng năm, ngân sách tỉnh đối ứng tối thiểu bằng 123% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình được xác định theo quy định tại Điều 8 Quyết định số 16/2026/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.